

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2022/DS-PT

Ngày 30-8-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Sang**

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P (tên khác: Đệ), sinh năm 1977; cư trú tại: Số 256, tổ 7, ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984, Luật sư Văn phòng Luật TNHH MTV B, Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 8, ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa, bà P, Luật sư T1 và bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là chủ hội, bà Trần Thị Mỹ T là hội viên. Năm 2020, bà T có tham gia hai dây hội do bà làm chủ. Cụ thể như sau:

+ Hội 2.000.000 đồng mở ngày 07-4-2020 (âm lịch), mãn hội ngày 07-12-2021 (âm lịch) gồm 02 dây hội, mỗi dây 21 phần, mỗi tháng khui một lần. Bà T tham gia mỗi dây 01 phần và hót đầu hết 02 dây. Sau khi hót hội xong, mỗi tháng bà T phải đóng hội chết cho bà 02 phần với số tiền 4.000.000 đồng và đã đóng cho bà đến tháng 10/2020 (âm lịch) thì ngưng cho đến nay. Hiện bà T còn nợ lại 15 lần hội chết của 02 dây hội với tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Khi giao tiền hội, bà có lập văn bản là “Giấy giao tiền hội” ngày 07/4/2020 (âm lịch) có chữ ký bà T, với nội dung: “Hôm nay ngày 7, 8, năm 2017 AL Thi hót 1 chân 2 triệu đồng có 16 phần Thi kêu 42 hót số tiền được là 28.800.000”. Sau đó, bà sửa chữa và viết thêm thành nội dung như sau: “Hôm nay ngày 7, 4, năm **2020** AL Thi hót **2** chân 2 triệu đồng có **21** phần Thi kêu 42 hót **đúp 2** dây số tiền được là 31.020.000”. Kêu 42 có nghĩa là kêu 420.000 đồng.

+ Hội 2.000.000 đồng mở ngày 09/5/2020 (âm lịch), mãn hội vào ngày 09/5/2022 (âm lịch) gồm 25 phần, mỗi tháng khui một lần. Bà T tham gia 02 phần. Đến ngày 09/8/2020 (âm lịch) bà T hót hết 02 phần. Sau khi hót hội, mỗi tháng bà T phải đóng hội chết cho bà 02 phần với số tiền là 4.000.000 đồng và đã đóng cho bà được 02 lần đến tháng 10/2020 (âm lịch) thì ngưng cho đến nay. Hiện bà T còn nợ lại 20 lần hội chết với số tiền 80.000.000 đồng.

Khi giao tiền hội, bà có lập văn bản là “Giấy giao tiền hội” ngày 09/8/2020 (âm lịch) có chữ ký của bà T, với nội dung: “Hôm nay ngày 9 tháng 8 năm 2017 AL Thi hót 2 chân hội 2 triệu đồng 22 phần Thi kêu 600 ngàn hót số tiền được là ba chục triệu sáu trăm ngàn”. Sau đó, bà sửa chữa và viết thêm thành nội dung như sau: “Hôm nay ngày 9 tháng 8 năm **2020** AL Thi hót **1** chân hội 2 triệu đồng **25** phần Thi kêu 600 ngàn hót **đúp 2** dây, **bao lại 3 lần** số tiền được là ba chục triệu sáu trăm ngàn”.

Tổng cộng bà T nợ bà hội chết của các dây hội là 140.000.000 đồng.

Việc bà sửa chữa, viết thêm các nội dung như trên vào các giấy giao tiền hội là do bà làm chủ nhiều dây hội nên việc tính toán ghi chép có sự nhầm lẫn.

Ngoài ra, ngày 03/7/2019 (âm lịch) bà T còn vay của bà số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng (thỏa thuận miệng). Về thời hạn trả, hai bên cũng thỏa thuận miệng khi nào bà T có tiền sẽ trả, không thỏa thuận thời hạn cụ thể. Kể từ ngày vay đến nay thì bà T không trả được cho bà số tiền gốc và lãi nào. Thời điểm cuối cùng bà yêu cầu bà T trả tiền vay là vào tháng 9/2021.

Nay bà yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà 140.000.000 đồng tiền hui và 40.000.000 đồng tiền vay cùng tiền lãi của số tiền vay với mức 20%/năm (tương ứng 1,66%/tháng) kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – bà Trần Thị Mỹ T trình bày:

Bà không đồng ý trả 140.000.000 đồng tiền hui theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị P, vì bà không tham gia các dây hui này. Các chứng cứ là 02 giấy hui do bà P cung cấp cho Tòa án và cung cấp đã bị sửa chữa và viết thêm nội dung. Bà tham gia hui do bà P làm chủ từ năm 2017 (âm lịch) và hiện hui đã mãn. Quá trình tham gia các dây hui trên bà đã thực hiện việc đóng hui đầy đủ, không còn nợ tiền hui của bà P.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 03/07/2019 (âm lịch) thì bà có vay và thỏa thuận như bà P trình bày bà đóng lãi đầy đủ từ ngày vay đến ngày 03/4/2021 (âm lịch) với số tiền 2.400.000 đồng/tháng (tương đương là 6%/tháng). Sau đó, do ảnh hưởng của dịch Covid, bà không buôn bán được nên ngưng trả lãi đến nay. Việc trả lãi hàng tháng không lập thành văn bản. Nay bà đồng ý trả lại số tiền vay gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho bà P, kể từ ngày 04/4/2021 (âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 48/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị Mỹ T về hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 62.200.000 đồng (sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng, bao gồm: 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng tiền vay gốc, 22.200.000 (hai mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị Mỹ T về số tiền hui.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18-5-2022, bà P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu bà T trả cho bà 140.000.000 đồng tiền hui.

Ngày 10-6-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-DS đề nghị sửa một phần Bản án dân sự

sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 12-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh theo hướng sửa mức lãi suất áp dụng để tính tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn - bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung chứng cứ mới là sổ theo dõi việc đóng hui và nhận tiền hui. Bà P trình bày lí do nộp chứng cứ trễ vì sổ bị thất lạc mới tìm thấy; đồng thời giải trình về chứng cứ mới như sau: Việc đóng hui của các hui viên bà không làm giấy tờ giao nhận tiền nhưng có lập sổ theo dõi và đánh dấu x vào từng tháng đã đóng; giấy giao tiền hui bà viết trong sổ theo dõi và xé 02 trang trong sổ này để nộp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Bà T trình bày không trung thực về thời gian tham gia hui với bà P. Bà P không phải là người làm hui chuyên nghiệp và cũng không rành chữ nên việc ghi chép không chính xác. Những người làm chứng đều xác định bà T có tham gia các dây hui mà bà P khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quyết định kháng nghị.**

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: **Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

Bà P khởi kiện bà T đòi tiền hui các dây hui mở năm 2020, nhưng bà T không thừa nhận có tham gia các dây hui này. Các tài liệu do nguyên đơn - bà P đưa ra để chứng minh cho yêu cầu của mình là Giấy giao tiền hui có chữ ký của bà T. Mặc dù bà T thừa nhận chữ ký nhưng cho rằng nội dung bị bà P sửa và

viết thêm vào giấy tờ giao dịch cũ từ năm 2017. Xét thấy, bà P thừa nhận việc sửa, viết thêm do chính bà P thực hiện; những nội dung bị sửa, viết thêm là những nội dung chính của hợp đồng góp hội gồm: ngày tháng năm mở hội (sửa năm 2017 thành 2020), số hội viên tham gia, số phần hội đã hót và số tiền hội đã giao nhận. Việc sửa chữa cũng không được phía bị đơn xác nhận, do đó, các tài liệu này là không được xem là chứng cứ.

[2] Đối với lời khai của người làm chứng: Có người trình bày biết bà T có tham gia dây hội năm 2020 mà bà P đang khởi kiện bà T do danh sách hội có tên bà T, có người xác định có gặp bà T đến nhà bà P kêu hội, tuy nhiên, không ai chứng kiến việc giao nhận hội giữa bà P và bà T do đó, không có cơ sở xác định bà T có tham gia các dây hội mở năm 2020 **nói trên**.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là sổ theo dõi việc đóng hội và nhận tiền hót hội của các dây hội năm 2020 mà bà P cho rằng bà T có tham gia; đồng thời, bà P trình bày lý do giao nộp chứng cứ trễ vì bị thất lạc vừa tìm thấy nhưng tại cấp sơ thẩm, bà P không trình bày gì về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lý do bà P giao nộp chứng cứ trễ là không chính đáng. Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu mới này, nhận thấy, cũng bị sửa chữa về năm mở hội (đối với dây hội mở ngày 07-4-2020) do đó, có sự mâu thuẫn (thiếu logic) về mặt thời gian ghi chép trong sổ hội. Đối với sổ theo dõi việc đóng hội hàng tháng, bà P thừa nhận khi hội viên đóng hội thì bà sẽ đánh dấu “x” vào sổ theo dõi hội và khẳng định bà T ngưng đóng hội từ tháng 10-2020, tuy nhiên sổ theo dõi hội thể hiện số lần không đóng hội cũng không phù hợp với lời trình bày của bà P nên tài liệu này cũng không được xem là chứng cứ. Bà P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P cho rằng do bà P không rành chữ nên ghi chép nhầm lẫn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Xét thấy hai bên đương sự trình bày mâu thuẫn về mức lãi suất vay là thuộc trường hợp có tranh chấp về lãi suất nhưng cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất 20%/năm để tính tiền lãi bà T phải trả là không đúng với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được tính lại tương ứng với thời hạn vay từ ngày 03-8-2019 đến ngày 12-5-2022 (ngày xét xử sơ thẩm) như sau:

$40.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm} 09 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 11.098.630$
(mười một triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

Tổng cộng tiền vay gốc và tiền lãi tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 51.098.630 (năm mươi một triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

[5] Về tiền lãi chậm thi hành án, cấp sơ thẩm tuyên chưa đúng với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1, Điều 13 của Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần sửa án về phần này.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà P và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Án phí: Căn cứ Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị Mỹ T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay gốc là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi là 11.098.630 đồng (mười một triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi ba), tổng cộng là 51.098.630 (năm mươi một triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Trần Thị Mỹ T về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” đối với số tiền 140.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải **chịu** khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mỹ T phải chịu 2.555.000 (hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 7.000.000 (bảy triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0016782 ngày 12-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị P còn phải nộp thêm 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0017395 ngày 19-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị P đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND h. C;
- Chi cục THADS h. C;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Mai